TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24/7/2023
V/v "*không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lấy

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Lam
2. Bà Nguyễn Thị Tây Nguyên

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Ông Đắc Quốc Tuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát Viên

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 221/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, về việc "không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐST-HN, ngày 09/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2023/QĐ-HPT ngày 05/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1959

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn H, huyện P, Bình Thuận

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1950

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn H, huyện P, Bình Thuận

(có mặt nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gởi đến Tòa án ngày 21 tháng 3 năm 2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn C lấy nhau vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Nay vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau, mặc dù ông bà đã cố gắng giải quyết những mâu thuẫn để sống hòa hợp gia đình hạnh phúc nhưng không đem lại kết quả mà còn xảy ra nhiều mâu thuẫn hơn trước và không thể hàn gắng được. Bà và ông Hà sống ly thân nhau đã 08 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông C để trả tự do cho nhau.

Về con chung: 02 đứa đã trưởng thành;

Về tài sản chung: Để tự thỏa thuận;

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày tại biên bản ghi lời khai đương sự ngày 02/6/2023: Ông thống nhất về quan hệ hôn nhân mà bà Nguyễn Thị Thu H đã trình bày, ông và bà Nguyễn Thị Thu H lấy nhau vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay bà H yêu cầu ly hôn và không công nhận vợ chồng giữa ông và bà H, ông đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: 02 đứa đã trưởng thành;

Về tài sản chung: Để tự thỏa thuận;

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu:

- Việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình làm việc ông Nguyễn Văn C xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử cho nên căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn C đều thừa nhận ông bà sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993 và đã có 02 đứa con nhưng không ký kết hôn và cũng không đăng ký kết hôn trễ hạn theo quy định. Trong quá trình sống chung bà H xác nhận vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã sống ly thân một thời gian dài không ai quan tâm đến ai nên bà làm đơn yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông C. Ông C cũng thừa nhận vợ chồng sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, bà H yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông với bà H. Ông C đồng ý theo yêu cầu của bà H. Chứng tỏ, cuộc sống chung giữa bà H và ông C đã có sự mâu thuẫn như ông bà xác nhận và do ông bà lấy nhau không đăng ký kết hôn theo quy định nên đã vi phạm việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý theo khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm

1 mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc Thi hành luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, yêu cầu của bà Hà là có căn cứ nên chấp nhận, tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hà với ông C.

[3] Về con chung: Các con đã trưởng thành.

[4] Về tài sản và nợ chung: Bà H và ông C không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét.

[5] Về phần án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 7 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều Điều 146, khoản 4 Điều 147, 147, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn C.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp **300.000đ** (ba tram ngàn đồng) án phí sơ thẩm, Trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000đ (ba tram nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017053 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P

[3] Về kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/7/2023), đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA Huyện**;**
- Lưu HS.

Lý Văn Lấy